

THÔNG BÁO

Mời chào giá mua sắm Sinh phẩm, Hoá chất xét nghiệm, vật tư y tế năm 2026-2027 để phục vụ công tác chuyên môn của Trung Tâm Y Tế Phú Thiện

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/5025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính Phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và Biện pháp thi hành Luật Đấu thầu.

Trung tâm Y tế Phú Thiện, tỉnh Gia Lai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu: “Sinh phẩm, Hoá chất xét nghiệm, vật tư y tế năm 2026-2027 để phục vụ công tác chuyên môn của Trung Tâm Y Tế Phú Thiện” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ds Nguyễn Thị Tuấn – Phụ trách Khoa Dược-TTB-VTYT.

SĐT: 0935844138.

Email: Pharmacisttuan@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung Tâm Y tế Phú Thiện Tổ dân phố 3, xã Phú Thiện Tỉnh Gia Lai (Hoặc Trung Tâm Y tế Phú Thiện Đường Tôn Thất Tùng, xã Phú Thiện Tỉnh Gia Lai).

- Nhận qua Email: Pharmacisttuan@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 27/8/2026 đến trước 15h00 ngày 17/9/2026.

Các báo giá nhận được sau thời gian nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 17/9/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Mua sắm Sinh phẩm, Hoá chất xét nghiệm, vật tư y tế năm 2026-2027 để phục vụ công tác chuyên môn của Trung Tâm Y Tế Phú Thiện có **(Phụ lục danh mục chi tiết kèm theo).**

Lưu ý:

-Báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam ghi rõ các thông tin sau:

- + Tên đơn vị, địa chỉ, số điện thoại, Mã số thuế đơn vị.
- + Hiệu lực báo giá: phải tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- + Đóng dấu và có chữ ký của người đại diện hợp pháp.
- + Ghi rõ: “Giá trên đã bao gồm chi phí vật tư, nhân công, vận chuyển, thuế và các chi phí khác đến tận Trung Tâm Y tế Phú Thiện”
- + Đề nghị các đơn vị báo giá theo từng phụ lục để phục vụ công tác tổng hợp các báo giá và phân chia các gói thầu.

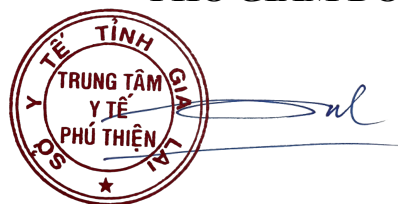
Rất mong nhận được báo giá của đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam;
- Trang Website TTYT;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
- Lưu: VT, KD-TTB-VTYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Phi Sang

Phụ lục I
DANH MỤC SINH PHẨM Y TẾ

(Kèm theo thông báo số 1464 /TB-TTYY ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Trung tâm Y tế Phú Thiện)

Tên gói: Gói 1: Sinh phẩm y tế:

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Test chẩn đoán virus viêm gan siêu vi B	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: $\geq 99.88\%$ Ngưỡng phát hiện $\leq 1 \text{ ng/ml}$.	Test	800
2	Test chẩn đoán virus viêm gan siêu vi C	Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: $\geq 99.88\%$	Test	250
3	Test kháng nguyên virus Dengue	Phát hiện kháng nguyên Vius Dengue NS1 Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: $\geq 90.54\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99.88\%$	Test	3000
4	Test kháng thể virus Dengue (Dengue IgG và IgM)	- Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng Dengue - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. - Độ nhạy: $\geq 99\%$; Độ đặc hiệu: ≥ 96.8	Test	500
5	Test xét nghiệm kháng thể kháng H.pylori	Phát hiện kháng thể kháng H.pylori - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: $\geq 94.88\%$, độ đặc hiệu tương: $\geq 95.38\%$	Test	200
6	Que thử xét nghiệm định tính hCG	Định tính phát hiện thai sớm - Mẫu thử: Nước tiểu, huyết thanh - Ngưỡng phát hiện: $\leq 10 \text{ mIU/ML}$ - Độ nhạy tương quan $\geq 100\%$, Độ đặc hiệu tương quan $\geq 100\%$	Test	100
7	Test nước tiểu 10 thông số	Hộp 100 test	Test	10000
8	Test nhanh Rotavirus	- Xét nghiệm phát hiện kháng nguyên Rota Độ nhạy: $\geq 97.88\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98.36\%$	Test	100
9	HAV IgM	Xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM kháng Hepatitis A Virus - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương. - Độ nhạy: $\geq 96.07\%$; Độ đặc hiệu: ≥ 99.34 .	Test	200

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
10	Test HbA1c(Quo Lab A1C Test kit)	Thành phần 1 kit test: Ammonium Chloride 0.54% Sodium, Deoxycholate Monohydrate 0.40% Sodium Azide: hàm lượng phù hợp Nước Boronate conjugate 11 µg	Test	1200
11	Anti A	Lọ 10ml	Lọ	3
12	Anti B	Lọ 10ml	Lọ	3
13	Anti AB	Lọ 10ml	Lọ	2
14	Anti D	Lọ 10ml	Lọ	3
15	Test thử đường huyết	Test được cấu tạo bởi men thử Glucose Dehydrogenase FAD cho ra kết quả chính xác $\geq 99\%$. Cho kết quả: $\leq 5s$.	Test	4000
16	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	Phát hiện kháng nguyên Vius Dengue ag (Den 1,2,3,4) và phân biệt kháng thể IgG và IgM- Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy Dengue Ag: 100% ; Độ đặc hiệu DengueAg: $\geq 99,6\%$; Khoảng tin cậy $\geq 95\%$ Độ nhạy Dengue IgG: $\geq 97,3\%$; Độ đặc hiệu DengueIgG: $\geq 99,3\%$ Độ nhạy Dengue IgM: $\geq 96,9\%$; Độ đặc hiệu DengueIgM: $\geq 98,9\%$	Test	500
17	Test nước tiểu	Phù hợp với máy phân tích nước tiểu hãng sản xuất: MEDI-TEST URYXXON- Nước sản xuất: Đức: tham số: Blood, Density, Ketones, Leukocytes, Nitrite, glucose, PH, Protein, Bilirubin, Urobilinogen	Test	15000
18	Test SD Bioline HIV 1 /2 3.0	Test SD Bioline HIV 1 /2 3.0	Test	400
19	Test Determine HIV 1 /2	Test Determine HIV 1 /2	Test	200
20	Test Rapid Anti- HIV 1 /2	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người nhằm mục đích chẩn đoán lây nhiễm HIV- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần- Độ nhạy: $\geq 99.47\%$; Độ đặc hiệu: ≥ 99.87	Test	400

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
21	Test nhanh ma túy tổng hợp 5in 1	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. - Mẫu bệnh phẩm: Nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Amphetamine (AMP) ≥ 1.000 ng/ml + Marijuana (THC) ≥ 50 ng/ml + Morphine (Nhóm thuốc phiện) ≥ 300 ng/ml + Codeine (Nhóm thuốc phiện) ≥ 300 ng/ml + Heroin (6- Monoacetylmorphine -nhóm thuốc phiện) ≥ 10 ng/ml - Độ nhạy $\geq 99,8\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$. - Độ chính xác $\geq 99,7\%$. - Độ lặp lại: 100% - Độ ổn định: 100%. Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất	Test	3000
22	Test nhanh xét nghiệm kháng nguyên SARS-CoV-2	Xét nghiệm chẩn đoán In-vitro định tính phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu và dịch mũi của người.	Test	100
23	Họ thuốc nhuộm vi sinh Ziehl Neelsen	Bộ 100ml	Bộ	12
24	DD javen	Javen dùng trong khử trùng làm sạch nước sinh hoạt, sát trùng ở nhà, bệnh viện, nhà vệ sinh. Can 30L	Lit	30
25	Dầu soi kính	Chai 500ml	Lit	1
26	Giêm sa mẹ (Đức)	Chai 500ml	Lit	1
27	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ	Lit	30
28	Cồn tuyệt đối	Can 5 lít	Lit	1
29	Acid Acetic	Dung dịch Axit acetic 3%, Chai/ 1 lít	Lit	1
30	Phenol bão hoà	Chai 500ml	Lit	1
Tổng cộng: 30 danh mục				

Phụ lục II
DANH MỤC HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM Y TẾ
(Kèm theo thông báo số 1464 /TB-TTYT ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Trung tâm Y tế Phú Thiện)

Tên gói: Gói 2: Hoá chất xét nghiệm

STT	Tên Hoá chất XN	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Protein Total fluid Mono hoặc tương đương	4x100+ std 3 ml	Hộp	2
2	Alpha-Amylase EPS Fluid 5+1 liquid IFCC hoặc tương đương	2x100ml+2x20ml	Hộp	3
3	Bilirubin Total Vanadate hoặc tương đương	4x40+4x10ml	Hộp	3
4	Bilirubin direct Vanadate hoặc tương đương	4x40+4x10ml	Hộp	3
5	Cholesterol CHOD/PAP Monoreagent hoặc tương đương	4x100 + std 3 ml	Hộp	3
6	HDL Cholesterol Fluid homogeneous hoặc tương đương	2x45+1x30+std 1ml	Hộp	10
7	Calcium Arsenazo III Fluid Mono hoặc tương đương	2x100+std 3 ml	Hộp	5
8	CreatinineJaffè in.fluid(1+1) hoặc tương đương	1x250+1x250+ std 5ml	Hộp	5
9	Glucose GOD/PAP Fluid Monoreagent hoặc tương đương	R: 4 x 100 ml; std 3 ml	Hộp	5
10	GOT(ASAT)IFCC fluid (5+1) hoặc tương đương	4x100+1x80ml	Hộp	5
11	GPT(ALT)IFCC fluid (5+1) hoặc tương đương	4x100+1x80ml	Hộp	5
12	Gamma-GT-3-Carboxy Fluid 5+1 hoặc tương đương	4x100+1x80ml	Hộp	5

STT	Tên Hoá chất XN	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
13	Triglycerides fluid Mono hoặc tương đương	4x100+ std 3 ml	Hộp	3
14	Urea UV Fluid 5+1 hoặc tương đương	4x100+1x80+std 3 ml	Hộp	3
15	Uric acid PAP fluid 5+1 hoặc tương đương	4x100+1x80+ std 3 ml	Hộp	3
16	Alcohol Control hoặc tương đương	R1:2x30ml R2:2x10ml Cal: 1x2ml; Control L1: 1x1ml; Control L2: 1x1ml	Hộp	5
17	Centronorm hoặc tương đương	20 x 5 ml	Hộp	10 (lọ)
18	SYSTEM CLEANING AU hoặc tương đương	1 x 2000 ml	Hộp	5
19	Albumin fluid Mono hoặc tương đương	4x100+std 3ml	Hộp	2
20	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry (CTNK Sinh Hóa) hoặc tương đương	6x5ml	Hộp	3 (hộp)
21	Potassium fluid Mono hoặc tương đương	1x125+ 1x 5 ml	Hộp	3
22	Chất liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa mức 2	1 x 5 ml	Lọ	3
23	CK-MB hoặc tương đương	R1: 2x44ml R2: 2x11ml	Hộp	5
24	CK-MB Calibrator	4x3ml	Hộp	7
25	CK-MB Control L1	4x5ml 1x20ml	Hộp	12
26	CK-MB Control L2	4x5ml 1x20ml	Hộp	12
27	CRP Full Range hoặc tương đương	R1: 2 x 25ml; R2: 1 x 10ml	Hộp	5
28	CRP Calib	5 x 1ml	Hộp	2

STT	Tên Hoá chất XN	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
29	CRP Control Low	1 x 1ml	Hộp	2
30	CRP Control High	1 x 1ml	Hộp	2
31	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Can 18l	Can	25
32	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để đo Hemoglobin	Can 250 ml	Can	5
33	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để tách phân bạch cầu (Hemolynac 510)	Can 250 ml	Can	5
34	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Can 2L	Can	5
35	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Bộ (3x15 ml)	Bộ	5
36	RIQAS Monthly Haematology (CTNK Huyết Học)	3x2ml	Hộp	5
37	Nội kiểm huyết học 3 TP mức trung bình	1x3ml	Lọ	15
38	Nội kiểm huyết học 3 TP mức cao	1x3ml	Lọ	15
39	Nội kiểm huyết học 5 TP mức trung bình	1x3ml	Lọ	5
40	Nội kiểm huyết học 5 TP mức cao	1x3ml	Lọ	5
41	HC 80TS DILUENT hoặc tương đương	Thùng/ 20L	Thùng	50
42	HC 80TS LYSE hoặc tương đương	Hộp/2 x 1L	Hộp	15
43	HC 80TS CLEAN hoặc tương đương	Bình/1L	Bình	12
Tổng cộng : 43 danh mục				

Phụ lục III
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo thông báo số 1464 /TB-TTYT ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Trung tâm Y tế Phú Thiện)

Tên gói: Gói 3: Vật tư y tế

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
1	Gạc đắp vết thương	Kích thước: 8 x 20cm, vô trùng. Được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa.	Miếng	10.000	1 miếng/gói
2	Gạc vaselin	Kích thước 65mmx190mm	Miếng	500	Gói/10 miếng
3	Băng dính cá nhân	Vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước. Đệm thấm dịch Màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 19mm x 72mm. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Miếng	33.000	Hộp 102 miếng
4	Bơm tiêm sử dụng một lần 50cc cho ăn	Xy lanh dung tích 50 ml/cc, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh, Đốc xy lanh loại to, phù hợp kết nối với dây cho ăn. Pít-tông có thiết kế vòng/lỗ ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn, chống trượt khi thao tác. Thân xy lanh có vạch chia thể tích rõ nét theo cc và oz. Sản phẩm vô trùng, sử dụng một lần, được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO).	Cái	100	Hộp/25 cái
5	Bơm tiêm insulin	Bơm tiêm dung tích 1 ml, sử dụng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít-tông nhằm ngăn ngừa dị vật xâm nhập vào lòng bơm khi sử dụng. Bơm tiêm có 02 loại phù hợp với insulin 40 UI và 100 UI. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không có gờ; thân kim bằng thép không gỉ. Kim tiêm gồm các cỡ 31G × 6 mm và 32G × 6 mm . Sản phẩm vô trùng, được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	100	Hộp/100 cái
6	Găng tay soát lòng tử cung	Chế tạo từ Latex cao su thiên nhiên, tiệt trùng. Gồm các số 6, 6,5, 7, 7,5	Đôi	100	Gói/1 đôi
7	Nhiệt kế điện tử	Dạng viết, 30s, tiếng beep, không thấm nước	Cái	10	Hộp/1 cái
8	Khẩu trang y tế	Gồm 04 lớp, trong đó: 03 lớp vải không dệt Spunbond, siêu mịn, không xù lông; 01 lớp vi lọc Meltblown ở giữa. Các lớp tiếp xúc da mềm mại, không gây kích ứng, có khả năng chống thấm và hạn chế giọt bắn. Vật liệu: vải không dệt, thành phần chính 100% Polypropylen (PP) hoặc tương đương. Kích thước: khoảng 17,5 cm × 9,5 cm. Dây đeo hai bên bằng dây thun mềm, đàn hồi, không gây kích ứng da. Thanh nẹp mũi bằng nhựa PE hoặc PP, bề rộng ≥ 2,5 mm; bề dày ≥ 0,45 mm, giúp khẩu trang ôm sát sống mũi. Hiệu suất lọc khuẩn BFE ≥ 90%. Hiệu suất lọc hạt PFE ≥ 90%. Trở lực hô hấp ≤ 9 mmH ₂ O/cm ² . Sản phẩm vô trùng sử dụng một lần. Công dụng: sử dụng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhằm hạn chế giọt bắn, bụi và các tác nhân từ môi trường, góp phần bảo vệ đường hô hấp.	Cái	30.000	50 cái/hộp

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
9	Mũ trùm đầu y tế	Tiệt trùng	cái	1.500	Gói/1 cái
10	Kim lấy máu, lấy thuốc số 18G	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu hoặc FDA (Mỹ)	Cái	20.000	Hộp/200 cái
11	Kim luồn sơ sinh 26 G	Cỡ kim: 26G. Catheter làm bằng FEP (Fluorinated Ethylene Propylene) hoặc vật liệu tương đương phù hợp dùng trong y tế. Kim có đầu bảo vệ an toàn, vật liệu PA/PC/PSF hoặc tương đương, Catheter có 03 vạch căn quang trong thành catheter, hỗ trợ nhận biết vị trí catheter khi sử dụng. Đầu kim vát 3 mặt, sắc bén, giúp giảm tổn thương khi chọc kim. Không chứa DEHP và PVC. Sản phẩm vô trùng, sử dụng một lần.	Cái	3.000	50 cái/hộp
12	Kim chọc dò tủy sống số 20G	Cỡ kim: 20G. Đầu kim vát 3 mặt, sắc bén, giúp giảm tổn thương mô và hạn chế nguy cơ đau đầu sau chọc dò. Đường kính ngoài của kim: khoảng 0,90 mm đối với cỡ 20G; thành kim mỏng, bảo đảm dòng chảy dịch não tủy tốt. Độc kim bằng Polypropylene (PP) Sản phẩm vô trùng, sử dụng một lần, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO).	Cái	10	20 cái/hộp
13	Kim chọc dò tủy sống số 25G	Kim chọc dò tủy sống 25G, vô trùng, sử dụng một lần: Đầu kim vát 3 mặt, sắc bén; đường kính ngoài và chiều dài kim phù hợp cỡ 25G, thành kim mỏng, bảo đảm dòng chảy dịch não tủy tốt. Có kim thông nòng với đường kính tương ứng cỡ 25G. Độc kim bằng Polypropylene (PP) trong suốt, dễ quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO).	Cái	200	20 cái/hộp
14	Dây hút đàm nhớt	Dây hút dịch sử dụng một lần, cỡ 5–18; PVC nguyên sinh không DEHP; dây trong, nhẵn, chiều dài ≥55 cm; đầu dây có 02 mắt hút phụ; khóa van có màu phân biệt cỡ, loại có nắp hoặc không nắp; vô trùng, tiệt trùng EO; bao bì bảo đảm thoát khí EO sau tiệt trùng;	Cái	100	Túi/20 cái
15	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch dài 1.500 mm ± 10 mm; đường kính trong (ID) 2,75 mm ± 0,05 mm; đường kính ngoài (OD) 3,80 mm ± 0,05 mm; bề mặt dây trơn, mềm dẻo, không gây gập gãy trong quá trình sử dụng. Kim cắm chai: chiều dài 28 mm ± 1 mm; khoảng cách từ cổ kim chai đến lỗ mắt 15 mm; OD 5,6 mm ± 1 mm; ID 5,2 mm ± 1 mm. Bầu đếm giọt có cổng thông khí tích hợp màng lọc khuẩn kỵ nước (hydrophobic), cho phép không khí đi qua nhưng hạn chế dịch truyền đi qua màng lọc. Có cổng chữ Y để tiêm thuốc, Vật liệu phù hợp dùng trong y tế, bảo đảm an toàn, tương thích với dịch truyền và không chứa Latex; chiều dài đoạn cổng chữ Y khoảng 300 mm, hạn chế nguy cơ đầu kim tiêm chọc xuyên ra ngoài dây. Có đĩa lọc bằng vật liệu BOF (ABS + MB + Nylon) hoặc tương đương, phù hợp với chức năng lọc của dây truyền. Đầu cuối dây có đầu nối Luer Lock bằng ABS trong suốt, kèm nút chặn dịch bằng PP + MB hoặc vật liệu tương đương. Dung tích giọt: 20 giọt/ml. Sản phẩm vô trùng, sử dụng một lần, tiệt trùng bằng phương pháp phù hợp.	Cái	50	Túi 20 cái

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
16	Dây nối bơm tiêm điện	Dùng để kết nối bơm tiêm điện với đường truyền dịch/kim lùn, phù hợp sử dụng trong truyền dịch bằng bơm tiêm điện. Đóng gói kín riêng từng chiếc; vô trùng; có đánh dấu vị trí mở, dễ mở; hạn sử dụng được ghi rõ trên bao bì. Dây mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. Đường kính trong (ID): ≤ 0,9 mm. Đường kính ngoài (OD): ≤ 1,9 mm. Chiều dài dây: có các quy cách 30 cm, 75 cm, 140 cm và 150 cm. Tốc độ truyền: ≥ 0,9 ml/phút. Khả năng chịu áp lực: ≥ 2 bar. Đầu nối Luer Lock, kết nối chắc chắn, chống rò rỉ, phù hợp sử dụng với áp lực cao. Có cơ chế tạo áp lực dương, hạn chế trào ngược dịch; có khóa bấm chặn dòng. Vật liệu dây phù hợp sử dụng trong truyền dịch và tương thích với mục đích sử dụng của sản phẩm. Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn và vô khuẩn theo quy định hiện hành.	Cái	200	Túi/1 cái
17	Mặt nạ (Mask)phun khí dung người lớn	Mặt nạ được làm từ nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, trong suốt, phù hợp tiếp xúc với da và sử dụng trong y tế. Có bộ phận/bộ khí dung phù hợp để dẫn và phân phối thuốc khí dung. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, mềm dẻo, có cấu trúc chống gập/xẹp, giúp duy trì đường dẫn khí trong quá trình sử dụng. Có thanh định hình mềm, dễ điều chỉnh, giúp cố định và tạo độ kín phù hợp với vùng mũi, miệng người bệnh. Dây cố định mặt nạ có độ co giãn, giúp cố định mặt nạ chắc chắn và thuận tiện khi sử dụng. Cỡ: Người lớn. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Phương pháp tiệt khuẩn: Ethylene Oxide (EO) hoặc phương pháp tiệt khuẩn phù hợp khác được nhà sản xuất công bố.	Cái	500	Túi/1 cái
18	Mặt nạ (Mask)phun khí dung trẻ em	Mặt nạ được làm từ nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, trong suốt, phù hợp sử dụng trong y tế và tiếp xúc với người bệnh. Có bộ phận/bộ khí dung phù hợp để dẫn và phân phối thuốc khí dung. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, mềm dẻo, có cấu trúc chống gập/xẹp, giúp duy trì đường dẫn khí trong quá trình sử dụng. Có thanh định hình mềm, dễ điều chỉnh, giúp cố định mặt nạ và tạo độ kín phù hợp với vùng mũi, miệng trẻ. Dây cố định mặt nạ có độ co giãn, giúp cố định mặt nạ chắc chắn và thuận tiện khi sử dụng. Cỡ: Trẻ em. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Phương pháp tiệt khuẩn: Ethylene Oxide (EO).	Cái	500	Túi/1 cái
19	Bộ rửa dạ dày hệ thống kín	Bộ rửa dạ dày hệ thống kín cấu tạo gồm 1 túi đựng dịch vào, 1 túi đựng dịch ra, kết nối với chạc nối chữ T qua hệ thống dây dẫn	Bộ	40	Gói/1 cái
20	Túi đo lượng máu mất sau sinh.	Dung tích 2000ml. Chất liệu: màng nhựa PE trong. - Kích thước: 1.050mm x 700mm. - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng	Cái	100	Gói/1 cái

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
21	Túi nước tiểu	Làm từ vật liệu PVC nguyên sinh hoặc vật liệu phù hợp sử dụng trong y tế, không gây độc hại theo mục đích sử dụng. Dung tích: 2.000 ml. Có vạch chia dung tích rõ ràng, khoảng cách giữa các vạch không lớn hơn 100 ml, thuận tiện theo dõi lượng nước tiểu. Túi kín, không rò rỉ trong quá trình sử dụng. Có hệ thống/thiết kế chia vạch phù hợp để theo dõi lượng nước tiểu thấp trong trường hợp cần theo dõi thiểu niệu. Có van xả ở đáy túi, thuận tiện thao tác, bảo đảm không rò rỉ; có cơ chế hạn chế trào ngược nước tiểu. Ống dẫn nước tiểu đầu vào có chiều dài ≥ 90 cm, mềm dẻo, chống gập, bảo đảm dẫn lưu thuận lợi. Có quai/bộ phận treo túi chắc chắn, thuận tiện cố định. Thân túi có vị trí để ghi thông tin nhận diện người bệnh như: họ tên, số giường, số phòng. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Được tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	Cái	500	Túi/1 cái
22	Ống nghiệm Serum nắp đỏ	12 x 75mm, nắp màu đỏ	Cái	34.400	100 ống/ khay
23	Ống nghiệm trắng có nắp 5ml	Kích thước: 12 x 75mm, nhựa PP/PS, màu trắng	Cái	10.130	100 ống/ khay
24	Lam kính.	Kích thước: 25.4 x 76.2mm; Độ dày 1.2mm	Hộp	20	Hộp/72 cái
25	Đầu côn xanh các số	Được làm từ nhựa y tế PP	Cái	4.000	Gói/500 cái
26	Đầu côn vàng các số	Được làm từ nhựa y tế PP	Cái	3.000	Gói/1000 cái
27	Lọ đựng phân	Nhựa y tế trung tính, dung tích 50 ml. Có nhãn màu trắng.	Lọ	500	100 Lọ/ Bịch
28	Cốc đờm	Chất liệu nhựa y tế, nắp có ren, có dán nhãn và vạch kẻ sẵn	Cái	1.200	100 cái/túi
29	Dụng cụ lấy dịch âm đạo	lấy mẫu trong xét nghiệm	Bộ	200	Bộ/1 cái
30	Phin lọc đo chức năng hô hấp	Dùng cho hệ thống đường thở/hệ thống hô hấp, có chức năng lọc khuẩn và làm ẩm khí hít vào. Thiết kế phù hợp để kết nối với hệ thống dây thở và các thiết bị hỗ trợ hô hấp. Có màng lọc tĩnh điện. Có cổng Luer Lock xoay, thuận tiện kết nối với hệ thống đo áp lực/lấy mẫu khi cần thiết. Sức cản dòng khí: ≤ 60 Pa tại lưu lượng 30 L/phút. Khoảng chết: ≤ 32 ml. Có khả năng giữ ẩm khí thở, hạn chế tình trạng khô đường thở trong quá trình sử dụng. Hiệu suất lọc khuẩn: có thông số kỹ thuật do nhà sản xuất công bố. Các đầu nối chắc chắn, bảo đảm kín, không rò rỉ trong quá trình sử dụng. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần.	Cái	500	Gói/1 cái

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
31	Halogen 12V-20W (Bóng đèn máy AU480)	Halogen 12V-20W (Bóng đèn máy AU480)	Cái	3	Gói/1 cái
32	Bóng đèn máy sinh hóa Halogen lamp For TC- Matrix	Halogen 12V-20W (TC-Matrix)	Cái	3	Gói/1 cái
33	Ống máu lắng ESR thủy tinh 1.28ml	Chất liệu: Thủy tinh; dung tích 1,28ml	Cái	200	Gói/1 cái
34	Lọ đựng nước tiểu	Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu đỏ, dung tích 55 ml. * Kích thước: chiều cao 60 mm, đường kính 36 mm.	Lọ	10.000	100 Lọ/ Bịch
35	Sample Cup, 2.0mL	2.0mL	Cái	2.000	Gói/500 cái
36	Phim X quang	Kích thước 8 x 10 inch (20x 25cm). Xuất xứ: Châu Âu	Tấm	20.000	Hộp/ 100 tấm
37	Cuvert for TC-Matrix, 250 cái/ thùng, 2,500 lỗ	Cuvert dùng để chứa mẫu và hóa chất phản ứng dùng cho máy Sinh hoá tự động TC-Matrix. Chính hãng: Teco Diagnostics – Mỹ Kích thước: 5 mm x 6mm x25mm Dẫn quang 5 mm	Cái	3.000	250 cái/ thùng
38	Lưỡi dao mổ	Chất liệu thép không gỉ; các số10,11,12,15,20,21,23	Cái	400	100 cái/hộp
39	Bao đo huyết áp Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Sử dụng cho Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	2	Gói/1 cái
40	Bao đo huyết áp Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	Sử dụng cho Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	Cái	2	Gói/1 cái
41	Đầu đo SpO2	Sử dụng cho máy SPo2 đo nồng độ oxy trong máu	Cái	5	Hộp/1cái
42	Đè lưỡi gỗ tiết trùng	Que đè lưỡi dùng trong thăm khám vùng miệng, họng; sử dụng một lần. Được sản xuất từ gỗ tự nhiên, đồng nhất, không cong vênh.. Bề mặt nhẵn, phẳng, không dằm, không có cạnh sắc h Kích thước khoảng: 150 mm × 20 mm × 2 mm. Sản phẩm vô khuẩn. Được tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	Cái	31.000	Hộp 100 que
43	Miếng dán điện cực	Sử dụng vật liệu nền bằng băng dính giấy. Có độ thông thoáng cao.Gel sử dụng ít chloride. Được bảo vệ bởi nắp đậy cho mỗi điện cực.	Miếng	4.000	Gói/50 cái

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
44	Bóng đèn gù	100w	Cái	20	Gói/1 cái
45	Bóng đèn cực tím	Diệt khuẩn	Cái	5	Hộp/1 cái
46	Tạp dề y tế	Chất liệu màng nhựa PE vô trùng, Chống thấm nước tuyệt đối. Màu xanh blue, trắng.	Cái	200	Gói/1 cái
47	Gel bôi trơn	Thể tích 82g	Tuyp	40	Hộp/1 tuýp
48	Giấy in nhiệt	57mm x 20m	Cuộn	200	Gói/4 cuộn
49	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%.	Chai	300	Chai/500ml
50	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%	Chai	600	Chai/500ml
51	Dung dịch ngâm rửa dụng cụ	Enzyme Protease 5% (w/w); Enzyme Lipase 0.5% (w/w); Enzyme Amylase 0.3%(w/w); Enzyme Cellulase 0.05%; Enzyme Mannanase 0.05%; Alcohol Ethoxylate 8% (w/w), chất chống ăn mòn kim loại và các chất phụ gia vừa đủ 100%. Chai/1 lít	Chai	50	Chai/1 lít
52	Viên Presept 2,5g hoặc tương đương	Thành phần: ≥50% SodiumDichloroisocyanurate 50%, các thành phần khác 50%	Viên	1.500	Hộp/100 viên
53	Kẹp rôn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1.000	Hộp/100 cái
54	Ampu Bóp Bóng Người Lớn	800ml	Cái	5	Gói/1 cái
55	Ampu Bóp Bóng sơ Sinh	150ml	Cái	3	Gói/1 cái
56	Ampu Bóp Bóng trẻ em	350ml	Cái	1	Gói/1 cái
57	Giấy điện tim 6 cần	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140mm x 200 tờ	Xấp	5.000	Gói/1 xấp
58	Giấy điện tim 1 cần	Kích thước: 50mm x 100mm x 300 tờ (dạng xấp), có kẻ.	Xấp	3	Gói/1 xấp
59	Cáp điện tim cho máy điện tim 6 cần	Cáp điện tim tương thích với máy điện tim 6 cần Model ECG-1250K	Cái	4	1 cái/ gói

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
60	Bộ điện tim	Tương thích với máy điện tim 6 cần	BỘ	1	Hộp/bộ
61	Cloramin B 25%	Cloramin B 25%	Kg	50	Thùng/25kg
62	Túi Tyvek tiệt trùng	Dùng làm bao bì đóng gói dụng cụ y tế trước khi tiệt khuẩn. Vật liệu Tyvek hoặc vật liệu tương đương chuyên dụng cho bao bì tiệt khuẩn, có khả năng bảo vệ dụng cụ sau tiệt khuẩn và duy trì tình trạng vô khuẩn đến khi sử dụng. Bề mặt vật liệu đồng đều, sạch, không rách, thủng hoặc có khuyết tật ảnh hưởng đến quá trình đóng gói và tiệt khuẩn. Có chỉ thị hóa học phù hợp với phương pháp tiệt khuẩn được sử dụng, cho phép nhận biết tình trạng đã qua chu trình tiệt khuẩn. Kích thước cuộn: chiều rộng khoảng 250 mm, chiều dài 70 m/cuộn. Vật liệu phù hợp với phương pháp tiệt khuẩn của cơ sở và không làm ảnh hưởng đến hiệu quả tiệt khuẩn.	Cuộn	12	Gói/1 cuộn
63	Tấm trải nilon	Tấm trải y tế dùng một lần, phù hợp sử dụng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Chất liệu: màng nhựa Polyethylene (PE) nguyên sinh hoặc vật liệu tương đương phù hợp sử dụng trong y tế. Bề mặt có cấu trúc nhám, mềm dẻo, phù hợp sử dụng làm tấm trải. Kích thước: khoảng 1,2 m × 2,1 m. Độ dày: ≥ 0,06 mm. Có khả năng chống thấm, không bị rách hoặc hư hỏng trong điều kiện sử dụng thông thường. Sản phẩm vô khuẩn. Được tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	Cái	500	Gói/1 cái
64	Tấm place dùng trong dao đốt điện	Sử dụng cho dao đốt điện	Cái	120	Gói/1 cái
65	Đèn cực tím	kích thước: ≥120cm	Cái	5	Hộp/cái
66	Ống đặt nội khí quản các số không bóng	Chất liệu: Nhựa PVC	Cái	5	Túi/cái
67	Vòng đeo tay (màu vàng)	Chất liệu: Nhựa PVC hoặc tương đương	Cái	350	Hộp/100 cái
68	Vòng đeo tay (màu trắng)	Chất liệu: Nhựa PVC hoặc tương đương	Cái	3.500	Hộp/100 cái
69	Vòng đeo tay (màu đỏ)	Chất liệu: Nhựa PVC hoặc tương đương	Cái	120	Hộp/100 cái
70	Băng chỉ thị	Kích thước: 24mm x 55m, lớp keo không dính cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, plastic. Lớp nền có thể co giãn, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn.	Thùng	125	Thùng/1 cuộn
71	Lưỡi dao đốt điện cao tần	Tay dao đốt điện dùng trong phẫu thuật	Cái	10	Gói/1 cái

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
72	Thùng an toàn	Dung tích 5 lít, Carton 3 lớp: cán màng PE	Cái	200	Lốc/50 cái
73	Giấy siêu âm	Kích cỡ: 110mm x 20m	Cuộn	500	Gói/1 cuộn
74	Túi đựng rác thải Màu vàng có vạch	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE hoặc tương đương; Kích thước: 40x70 cm (±5%) (xếp hông mỗi bên 10cm) và Có dây rút. Màu vàng	Kg	500	Bao/1kg
75	Túi đựng rác thải Màu xanh có vạch	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE hoặc tương đương; Kích thước: 40x70 cm (±5%) (xếp hông mỗi bên 10cm) và Có dây rút. Màu xanh	Kg	500	Bao/1kg
76	Túi đựng rác thải Màu trắng có vạch	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE; Kích thước: 40x70 cm (±5%) (xếp hông mỗi bên 10cm) và Có dây rút. Màu trắng	Kg	20	Bao/1kg
77	Túi đựng rác thải Màu đen có vạch	Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh hoặc HDPE; Kích thước: 40x70 cm (±5%) (xếp hông mỗi bên 10cm) và Có dây rút. Màu đen.	Kg	20	Bao/1kg
78	Chỉ phẫu thuật không tiêu 2/0, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật không tiêu, nguồn gốc tự nhiên, chất liệu Silk (lụa), cấu trúc đa sợi. Cỡ chỉ: 2/0. Chiều dài chỉ: 75 cm. Kim làm bằng thép không gỉ Đầu kim dạng tam giác/cạnh cắt, phù hợp xuyên qua mô. Chiều dài kim: 24 mm. Độ cong kim: 3/8 vòng. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần.	Tép	100	Hộp/24 sợi
79	Chỉ phẫu thuật không tiêu 2/0, kim tròn	Chỉ phẫu thuật không tiêu, nguồn gốc tự nhiên, chất liệu Silk (lụa), cấu trúc đa sợi. Cỡ chỉ: 2/0. Chiều dài chỉ: 75 cm. Đầu kim dạng tròn, phù hợp sử dụng cho các mô mềm. Chiều dài kim: 26 mm. Độ cong kim: 1/2 vòng. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần.	Tép	190	Hộp/24 sợi
80	Chỉ phẫu thuật không tiêu 3/0, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật không tiêu, nguồn gốc tự nhiên, chất liệu Silk (lụa), cấu trúc đa sợi. Cỡ chỉ: 3/0. Chiều dài chỉ: 75 cm. Chiều dài kim: 26 mm. Độ cong kim: 3/8 vòng. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần.	Tép	100	Hộp/24 sợi

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
81	Chỉ phẫu thuật không tiêu 3/0, chỉ dài 75cm, 1 kim đầu kim tròn 3/8C, dài 24mm	Chỉ phẫu thuật không tiêu, chất liệu Nylon, cấu trúc phù hợp sử dụng trong phẫu thuật. Cỡ chỉ: 3/0. Chiều dài chỉ: 75 cm. Kim dạng tam giác/cạnh cắt, phù hợp xuyên qua mô. Chiều dài kim: 24 mm. Độ cong kim: 3/8 vòng. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	Tép	500	Hộp/24 sợi
82	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm	Chỉ phẫu thuật tự tiêu, chất liệu Chromic Catgut, có nguồn gốc collagen động vật phù hợp sử dụng trong phẫu thuật. Cỡ chỉ: 2/0. Chiều dài chỉ: 75 cm. Kim dạng tròn, phù hợp sử dụng cho mô mềm. Chiều dài kim: 36 mm. Độ cong kim: 1/2 vòng. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần.	Tép	1.500	Hộp/24 sợi
83	Đai cột sống thắt lưng các số	Vải mút dệt kim có lỗ thoáng khí. Hệ thống dán xé (khóa Velcro), thanh nẹp đàn hồi.	Cái	10	Gói/1 cái
84	Đai xương đòn các số	Vải, mút xốp. Khoá Velcro.	Cái	20	Gói/1 cái
85	Đai nẹp Iselin	Hợp kim nhôm. Mút xốp mềm.	Cái	20	Gói/1 cái
86	Nẹp cổ cứng các số	Nhựa EVA, khóa Velcro	Cái	15	Gói/1 cái
87	Nẹp căng tay phải các số	Vải dệt kim, dây đai. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	30	Gói/1 cái
88	Nẹp căng tay trái các số	Vải dệt kim, dây đai. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	30	Gói/1 cái
89	Nẹp đùi phải các số	Vải mút dệt kim, dây đai. Thanh định vị bằng nhôm có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân Hệ thống dán xé (khóa Velcro).	Cái	30	Gói/1 cái
90	Nẹp đùi trái các số	Vải mút dệt kim, dây đai. Thanh định vị bằng nhôm có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân Hệ thống dán xé (khóa Velcro).	Cái	30	Gói/1 cái
91	Nẹp căng chân trái	Vải dệt kim thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.	Cái	30	Gói/1 cái
92	Nẹp căng chân phải	Vải dệt kim thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.	Cái	30	Gói/1 cái

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
93	Nẹp khuỷu tay vải trái các số	Vải dệt kim, dây đai Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	30	Gói/1 cái
94	Nẹp khuỷu tay vải phải các số	Vải dệt kim, dây đai Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	30	Gói/1 cái
95	Nẹp cánh tay trái	Vải dệt kim, dây đai. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	30	Gói/1 cái
96	Nẹp cánh tay phải	Vải dệt kim, dây đai. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.	Cái	30	Gói/1 cái
97	Đai xương sườn nữ các số	Vải dệt kim. Khóa Velcro	Cái	30	Gói/1 cái
98	Đai xương sườn nam các số	Vải dệt kim. Khóa Velcro	Cái	30	Gói/1 cái
99	khoá 3 chạc có dây	Khóa ba chạc dùng trong hệ thống truyền dịch/đường truyền tĩnh mạch, kèm dây nối. Có các quy cách chiều dài dây nối: 10 cm và 25 cm. Khóa ba chạc và dây nối được làm từ vật liệu phù hợp sử dụng trong y tế, không gây độc hại theo mục đích sử dụng. Hệ thống kín, không rò rỉ khi chịu áp lực 2 bar trong thời gian tối thiểu 15 phút. Thể tích trong của bộ dây nối: Quy cách 10 cm: ≤ 0,50 ml. Quy cách 25 cm: ≤ 1,40 ml. Có đầu nối Luer Lock, kết nối chắc chắn, bảo đảm kín và chống rò rỉ. Có nắp bảo vệ đầu nối phù hợp, bảo đảm vệ sinh và an toàn trong quá trình sử dụng. Không chứa latex. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	sợi	200	Gói/1 cái
100	khoá 3 chạc không dây	Khóa ba chạc dùng trong hệ thống truyền dịch, truyền thuốc và/hoặc theo dõi huyết áp xâm lấn. Có 03 cổng kết nối Luer Lock, kết nối chắc chắn, kín, không rò rỉ. Thân khóa được làm từ vật liệu phù hợp sử dụng trong y tế, có độ bền cơ học cao, trong suốt và có khả năng kháng lipid. Khả năng chịu áp lực: ≥ 5 bar. Thể tích tồn đọng (priming volume/dead space): ≤ 0,20 ml. Các đầu nối Luer Lock bảo đảm kết nối chắc chắn, kín, không rò rỉ trong điều kiện sử dụng. Không chứa latex. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần.	cái	100	Gói/1 cái
101	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp, chất liệu Polyglactin 910, cấu trúc đa sợi. Cỡ chỉ: 5/0. Chiều dài chỉ: 75 cm. Kim dạng tam giác/cạnh cắt, phù hợp xuyên qua mô. Độ cong kim: 3/8 vòng. Chiều dài kim: 19 mm.	sợi	100	Hộp/24 sợi

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
102	Dây truyền máu	Bộ dây truyền máu dùng để truyền máu và các chế phẩm máu, sử dụng một lần. Có kim chai phù hợp với túi/chai chứa máu, làm bằng vật liệu phù hợp sử dụng trong y tế, chắc chắn, không gây ảnh hưởng đến hệ thống truyền. Có khóa điều chỉnh dòng chảy, thao tác thuận tiện, có cơ cấu kẹp/khóa dây bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng. Có van thoát khí, được trang bị màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Chiều dài dây dẫn: ≥ 1.600 mm. Có đầu nối Luer Lock xoay, kết nối chắc chắn với kim luồn/catheter, bảo đảm kín và không rò rỉ trong quá trình sử dụng. Kim: cỡ 18G $\times$ 1½ inch, phù hợp với mục đích sử dụng. Hệ số nhỏ giọt: 20 giọt/ml. Không chứa latex. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	sợi	100	Gói/1 cái
103	Airway các cỡ	Duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê; Làm từ Polythylene không độc hại; Số 1, 2, 3, 4.	cái	20	
104	Ống Nội khí quản không lò so , có bóng chèn, các cỡ	Số 2.5, 3, 3.5, 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5, 8	cái	10	
105	Dây hút đàm nhớt có khoá các cỡ	Dây hút dịch sử dụng một lần, dùng để hút dịch trong quá trình chăm sóc và điều trị người bệnh. Sản phẩm gồm 02 phần: dây dẫn và khóa/van điều chỉnh. Có các cỡ: 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16 và 18. Dây dẫn được làm bằng PVC nguyên sinh hoặc vật liệu tương đương phù hợp sử dụng trong y tế, không chứa DEHP. Chiều dài dây dẫn: ≥ 50 cm. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	sợi	200	
106	Sonde hậu môn	Ống thông hậu môn các số 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	sợi	25	
107	Băng keo cố định kim luồn trong suốt không thấm nước	Băng cố định chuyên dụng để cố định kim luồn tĩnh mạch ngoại vi. Chất liệu màng Polyurethane (PU) hoặc vật liệu tương đương phù hợp sử dụng trong y tế. Kích thước: 6,7 cm $\times$ 10 cm, hình oval hoặc hình dạng phù hợp với vị trí cố định kim luồn. Trong suốt, cho phép quan sát trực tiếp vùng da và vị trí kim luồn sau khi dán. Không thấm nước, bảo đảm khả năng bảo vệ vùng cố định trong điều kiện sử dụng thông thường. Không chứa Latex. Có lớp keo Acrylic hoặc loại keo y tế tương đương, độ bám dính phù hợp Sản phẩm vô khuẩn, đóng gói riêng từng miếng. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	miếng	300	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
108	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm vô khuẩn, sử dụng một lần, dung tích danh định 1 mL. Xy lanh được sản xuất từ nhựa nguyên sinh hoặc vật liệu phù hợp sử dụng trong y tế Vạch chia thể tích rõ nét, dễ đọc, phù hợp với dung tích bơm tiêm. Kim làm bằng thép không gỉ hoặc vật liệu phù hợp dùng trong y tế, sắc, nhọn, đầu kim được vát/cắt phù hợp để bảo đảm khả năng xuyên kim. Kích thước kim: 26G × 1/2 inch. Sản phẩm không chứa Latex. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	cái	50	
109	Dây cho ăn (Ống thông dạ dày các số)	Ống thông dạ dày sử dụng một lần, dùng để đưa dịch/thuốc vào dạ dày và/hoặc dẫn lưu dịch dạ dày theo chỉ định. Có các cỡ: 5 Fr, 6 Fr, 8 Fr, 10 Fr, 12 Fr, 14 Fr, 16 Fr và 18 Fr. Có quy cách có nắp và không nắp phù hợp với nhu cầu sử dụng. Ống dẫn được sản xuất từ PVC nguyên sinh hoặc vật liệu tương đương phù hợp sử dụng trong y tế. Ố Có vạch đánh dấu hoặc dấu hiệu nhận biết chiều sâu đưa ống vào (nếu có yêu cầu sử dụng). Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO) hoặc phương pháp tiệt khuẩn phù hợp được nhà sản xuất công bố.	cái	50	
110	Băng cuộn bảo thạch	0,9x2,5	cuộn	600	
111	Dây bao đốt	Bao bảo vệ dây đốt nội soi, sử dụng một lần. Chất liệu màng bao: Polyethylene (PE) hoặc vật liệu tương đương phù hợp sử dụng trong y tế. Có vòng/đai giữ bao bằng Polypropylene (PP) hoặc vật liệu tương đương, bảo đảm cố định chắc chắn khi sử dụng. Kích thước: 7,5 cm × 250 cm. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	Bộ	100	
112	Dây thở Oxy các số	Dây thở oxy qua mũi, cấu tạo gồm dây dẫn và gọng/đầu thở mũi, sử dụng một lần. Chất liệu PVC y tế hoặc vật liệu tương đương phù hợp sử dụng trong y tế. Có 02 nhánh ống đưa vào mũi, được thiết kế phù hợp với cấu trúc mũi, không có cạnh sắc gây tổn thương. Chiều dài tổng thể của dây: ≥ 2.500 mm. Đường kính ngoài dây dẫn chính: ≥ 5 mm. Có các cỡ phù hợp cho: Trẻ sơ sinh; Trẻ em; Người lớn. Không chứa Latex. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Đóng gói riêng từng sản phẩm, 01 cái/túi. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	Cái	1100	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
113	Tay dao đốt điện đơn cực	Tay dao đốt điện đơn cực sử dụng một lần, dùng cho máy cắt đốt điện cao tần. Tay cầm được làm bằng vật liệu cách điện, có độ bền cơ học phù hợp và an toàn khi sử dụng. Không chứa Latex. Có 02 nút điều khiển tích hợp trên tay cầm, gồm chức năng: Cắt (CUT); Cầm máu/đông điện (COAG). Các nút điều khiển được thiết kế rõ ràng, dễ nhận biết và thao tác trong quá trình phẫu thuật. Có điện cực/lưỡi dao bằng thép không gỉ hoặc vật liệu tương đương phù hợp sử dụng trong phẫu thuật. Điện cực có thể tháo rời/thay thế, kết nối chắc chắn với tay cầm. Chiều dài điện cực: 70 mm. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	cái	15	
114	Băng thun 2 móc	10cm x 3m	Cuộn	50	
115	Bột bó 6 inch	Băng bột bó dùng trong bó bột chỉnh hình, được sản xuất từ bột thạch cao phủ/liền trên nền gạc y tế. Kích thước: rộng 15 cm × dài 4,6 m. Băng bột có khả năng thấm nước nhanh và tương đối đồng đều, tạo thành khối bột đồng nhất sau khi làm ướt. Thời gian đông kết: từ 2–4 phút trong điều kiện thử nghiệm theo hướng dẫn của nhà sản xuất/tiêu chuẩn áp dụng.	Cục	100	
116	Dán sườn	Băng keo cuộn dùng trong y tế, có khả năng co giãn, dùng để cố định băng, gạc và các vật liệu y tế phù hợp. Kích thước: rộng 10 cm × dài 10 m. Vải nền bằng vải không dệt co giãn (Elastic Non-woven fabric) hoặc vật liệu tương đương phù hợp sử dụng trong y tế. Độ bền kéo: $\geq 2,7$ kg/12 mm. Phủ keo Acrylic hoặc loại keo y tế tương đương, có độ bám dính phù hợp, bảo đảm cố định chắc chắn trong quá trình sử dụng. Độ bám dính: ≥ 550 g/12 mm hoặc đáp ứng mức tương đương theo tiêu chuẩn áp dụng.	Cuộn	20	
117	Gạc dẫn lưu	1,5cm x 100cm x 4 lớp	Cuộn	100	
118	Giấy điện tim 12 cần	210mmx295mmx150tờ	Xấp	5000	
119	Cáp điện tim cho máy điện tim 12 cần	Cáp điện tim tương thích với máy điện tim 12 cần	Cái	3	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
120	Kim châm cứu số 4,5,7	Kim châm cứu vô trùng, sử dụng một lần. Cán kim bằng đồng hoặc vật liệu phù hợp, có khuyên/đầu cán thuận tiện cho thao tác châm cứu. Thân kim làm bằng thép chuyên dụng/thép không gỉ phù hợp sử dụng trong y tế, có khả năng dẫn điện tốt và chống ăn mòn. Kim có bề mặt nhẵn, đầu kim sắc, nhọn, bảo đảm thuận lợi khi châm. Đường kính kim: 0,18–0,40 mm. Chiều dài kim: 8–150 mm. Độ cứng thân kim: 450–650 HV (Vickers) theo phương pháp thử phù hợp. Quy cách kích thước theo nhu cầu sử dụng gồm: 0,18 mm × 25 mm; 0,18 mm × 40 mm; 0,25 mm × 25 mm; 0,25 mm × 30 mm; 0,25 mm × 40 mm; 0,30 mm × 25 mm; 0,30 mm × 40 mm; 0,30 mm × 50 mm; 0,30 mm × 75 mm. Sản phẩm vô trùng, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	Cây	300000	
121	Hóa chất khử khuẩn mức độ cao Cidex OPA	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dùng để xử lý các dụng cụ, thiết bị y tế Hoạt chất chính: Ortho-Phthalaldehyde (OPA). Nồng độ OPA: khoảng 0,55% hoặc nồng độ tương đương bảo đảm hiệu lực khử khuẩn mức độ cao theo công bố của nhà sản xuất pH của dung dịch: 7,2–7,8 hoặc phù hợp với công bố kỹ thuật của sản phẩm. Thời gian khử khuẩn mức độ cao: ≤ 12 phút, trong điều kiện nhiệt độ và quy trình sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Có hiệu lực khử khuẩn đối với phổ vi sinh vật phù hợp với mục đích khử khuẩn mức độ cao, bao gồm: Vi khuẩn; Nấm men/nấm; Trực khuẩn lao/mycobacteria; Virus. Có thể sử dụng cho quy trình khử khuẩn thủ công và/hoặc bằng máy phù hợp với hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.	Can	30	
122	Sonde foley 2 nhánh các số	Ống thông tiểu 2 nhánh (Foley), sử dụng để dẫn lưu nước tiểu. Cỡ ống: 28 Fr (Ch/Charrière). Ống được sản xuất từ cao su thiên nhiên dùng trong y tế, có phủ silicone hoặc vật liệu tương đương phù hợp. Có 02 nhánh, gồm: Nhánh dẫn lưu nước tiểu; Nhánh bơm bóng chèn. Có bóng chèn (balloon) bảo đảm giữ ống ổn định trong bàng quang sau khi đặt. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Đóng gói riêng từng chiếc, bao bì kín, bảo đảm duy trì tình trạng vô khuẩn đến khi sử dụng.	Cái	220	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
123	Thông tiểu 1 nhánh số 14	Ống thông tiểu 1 nhánh (Nelaton), sử dụng để thông tiểu ngắt quãng/dẫn lưu nước tiểu theo chỉ định. Các cỡ: 6–26 Fr (Ch). Chiều dài ống: 270–400 mm, phù hợp với từng cỡ. Thiết kế 01 nhánh, phù hợp cho việc thông tiểu. Sản phẩm vô khuẩn, sử dụng một lần. Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	Cái	700	
124	Chỉ Nylon 2/0 kim tam giác	Chỉ phẫu thuật không tiêu, tổng hợp, đơn sợi (Monofilament Nylon). Cỡ chỉ: 2/0. Chiều dài chỉ: 75 cm. Kim phẫu thuật làm bằng thép không gỉ dùng trong y tế, chống ăn mòn, có độ bền cơ học phù hợp. Đầu kim dạng tam giác (cắt). Chiều dài kim: 24 mm. Độ cong kim: 3/8 vòng tròn (3/8C).	Sợi	500	9500
125	Chỉ Nylon 2/0 kim tròn	Chỉ phẫu thuật không tiêu, tổng hợp Nylon, đơn sợi (Monofilament). Cỡ chỉ: 2/0. Chiều dài chỉ: 75 cm. Kim phẫu thuật bằng thép không gỉ dùng trong y tế, có khả năng chống ăn mòn, độ bền cơ học phù hợp. Đầu kim tròn (taper point), phù hợp sử dụng khâu mô mềm. Chiều dài kim: 24 mm. Độ cong kim: 3/8 vòng tròn (3/8C).	Sợi	200	9500
Tổng cộng: 125 danh mục					